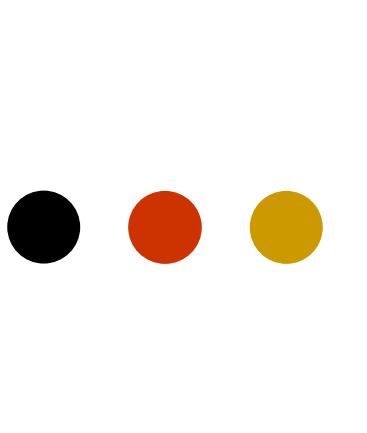


# THÔNG TƯ 96/2018/TT-BTC



Quy định quản lý và sử dụng kinh phí: i) chăm sóc sức khỏe NCT tại nơi cư trú; ii) chúc thọ, mừng thọ; iii) ưu đãi tín dụng và biểu dương khen thưởng NCT

*Văn phòng Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi*



# Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;
- Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;



# Nội dung

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện
- Điều 3. Nội dung và mức chi
- Điều 4. Trách nhiệm của Hội Người cao tuổi các cấp
- Điều 5. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; khen thưởng NCT
- Điều 6. Điều khoản thi hành



# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1. Phạm vi điều chỉnh
  - TT quy định quản lý và sử dụng kinh phí CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng NCT.
- 2. Đối tượng áp dụng
  - a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện các chính sách chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;
  - b) Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi.



## Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

1. NSĐP đảm bảo kinh phí thực hiện CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; kinh phí chúc thọ, mừng thọ NCT và kinh phí biểu dương, khen thưởng NCT có thành tích xuất sắc theo quy định hiện hành về phân cấp NSNN.
2. Kinh phí thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của NHCSXH (bao gồm cả nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội).
3. Nguồn vận động, đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## ● ● ● | Điều 3. Nội dung và mức chi

### 1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú

- Trạm y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là trạm y tế xã) có trách nhiệm CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú, được ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí để chi cho các hoạt động sau:
  - a) Chi tuyên truyền, phổ biến kiến thức phổ thông về CSSK; hướng dẫn NCT kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự CSSK;
  - Chi mua tài liệu, sách, báo liên quan đến CSSK NCT. Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

## ● ● ● | Điều 3. Nội dung và mức chi

**1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú:** Trạm y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là trạm y tế xã) có trách nhiệm CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú, được ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí để chi cho các hoạt động sau:

a) Chi tuyên truyền, phổ biến kiến thức phổ thông về CSSK; hướng dẫn NCT kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự CSSK:

Chi mua tài liệu, sách, báo liên quan đến CSSK NCT. Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;



## Điều 3. Nội dung và mức chi

### 1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú

+ Chi thuê hội trường, phòng, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài và các khoản chi cần thiết khác (nếu có). Mức chi theo thực tế phát sinh, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

+ Truyền thông trên phương tiện truyền thanh của xã: 80.000 đồng/tin, bài từ 350 từ đến dưới 600 từ; 100.000 đồng/tin, bài từ 600 từ trở lên. Bồi dưỡng phát thanh viên 25.000 đồng/lần phát trực tiếp;

+ Chi công tác phí cho cán bộ TYT xã đi tuyên truyền lưu động: thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị;





## Điều 3. Nội dung và mức chi

### 1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú:

- b) Chi lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe người cao tuổi
  - o Chi văn phòng phẩm, in hồ sơ, mua sổ sách, trang thiết bị phục vụ việc theo dõi, quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi. Mức chi thanh toán theo thực tế phát sinh trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;



## Điều 3. Nội dung và mức chi

### 1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú:

- c) Chi tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi
- TYT xã lập kế hoạch, phối hợp với tuyến trên kiểm tra sức khỏe định kỳ cho NCT tại địa phương. Kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo trong dự toán hàng năm theo phân cấp về chuyên môn y tế và phân cấp ngân sách của địa phương;
  - Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Y tế, mức thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định hiện hành của địa phương và quy mô đợt kiểm tra sức khỏe; cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập danh sách NCT gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ lập dự toán trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện;



## Điều 3. Nội dung và mức chi

### 1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú:

d) TYT xã cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú cho NCT cô đơn, bị bệnh nặng và có trách nhiệm:

- Hỗ trợ chi phí đi lại từ TYT xã đến nơi ở của NCT (đi và về) cho cán bộ y tế xã đến KCB cho NCT cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến cơ sở KCB (ngoài tiền công tác phí theo quy định hiện hành). Mức hỗ trợ tối đa 5.000 đồng/km đối với vùng kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; tối đa 3.000 đồng/km đối với các vùng còn lại;

- Hỗ trợ chi phí KCB tại nơi cư trú cho NCT cô đơn, bị bệnh nặng có hoàn cảnh khó khăn. Mức hỗ trợ tối đa bằng mức khám, chữa bệnh BHYT tại tuyến xã;



## Điều 3. Nội dung và mức chi

### 1. CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú:

đ) UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hỗ trợ chi phí đi lại cho cán bộ y tế và NCT cô đơn, bị bệnh nặng tới cơ sở KCB theo đề nghị của TYT xã. Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải hành khách công cộng hoặc giá thuê thực tế phương tiện vận chuyển (trường hợp không có phương tiện vận tải hành khách công cộng). Trường hợp gia đình NCT tự túc phương tiện vận chuyển, mức hỗ trợ bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm vận chuyển.

# ● ● ● | Điều 3. Nội dung và mức chi

## 2. Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

- a) Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi
- NCT thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước chúc thọ và tặng quà gồm 5 mét vải lụa và 700.000 đ tiền mặt;
  - NCT thọ 90 tuổi được Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW chúc thọ và tặng quà: hiện vật 150.000 đ + 500.000 đ tiền mặt;
  - Mức chi nêu trên là mức tối thiểu. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc TW có thể xem xét, quyết định mức chi cao hơn mức quy định tại Thông tư này; đồng thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

## ● ● ● | Điều 3. Nội dung và mức chi

### 2. Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

#### b) Nguồn kinh phí

- o Kinh phí chúc thọ và tặng quà NCT thọ 100 tuổi và 90 tuổi bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở LĐTBXH. Kinh phí tặng quà NCT ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tặng quà cho người cao tuổi theo phân cấp của địa phương;

## ● ● ● | Điều 3. Nội dung và mức chi

### 2. Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

c) Nội dung và mức chi tổ chức. UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Hội NCT tại địa phương và gia đình tổ chức đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, phù hợp; bảo đảm kinh phí để chi cho các hoạt động sau:

- Chi in ấn hoặc mua “Giấy mừng thọ”, “Thiệp chúc thọ”, làm khung “Giấy mừng thọ”, “Thiệp chúc thọ”;
- Chi nước uống, hoa quả, bánh kẹo. Mức chi 20.000 đồng/người tham dự;
- Chi thuê hội trường, phong, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài và các khoản chi cần thiết khác (nếu có). Mức chi theo thực tế phát sinh, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao.



## Điều 3. Nội dung và mức chi

### **3. Ưu đãi về vốn tín dụng đối với người cao tuổi trực tiếp sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giảm nghèo**

a) NCT là người nghèo hoặc các đối tượng chính sách khác theo quy định của địa phương trực tiếp sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giảm nghèo: nguồn vốn cho vay ưu đãi từ nguồn vốn ngân sách địa phương theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của BTC quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay (nếu có) thực hiện theo quy chế của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội;





## Điều 3. Nội dung và mức chi

### **3. Ưu đãi về vốn tín dụng đối với người cao tuổi trực tiếp sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giảm nghèo**

b) Trường hợp người cao tuổi trực tiếp sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, giảm nghèo thuộc đối tượng cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm: nguồn vốn cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm theo kế hoạch hàng năm của địa phương. Nguyên tắc, mức vay, thời hạn vay, lãi suất vay, điều kiện đảm bảo tiền vay; quy trình, thủ tục vay vốn thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.



## Điều 3. Nội dung và mức chi

### 4. Chi biểu dương, khen thưởng NCT có thành tích xuất sắc

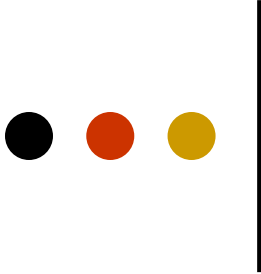
a) Hình thức khen thưởng và mức tiền: thực hiện theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn Luật;

b) Kinh phí chi biểu dương, khen thưởng được sử dụng từ quỹ thi đua khen thưởng của các cấp ngân sách, của cơ quan, đơn vị theo phân cấp quy định tại các Điều 65, Điều 66, Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng.



## Điều 4. Trách nhiệm của Hội Người cao tuổi các cấp

1. Hội NCT các cấp: giám sát việc thực hiện thuộc địa phương mình quản lý; có trách nhiệm cung cấp thông tin NCT và phối hợp với TYT xã, phường, thị trấn trong việc triển khai thực hiện.
2. Hội NCT tỉnh, thành phố trực thuộc TW: lập danh sách NCT thọ 90 và 100 tuổi gửi Sở LĐTBXH để lập dự toán chi chúc thọ, mừng thọ; phối hợp với Sở LĐTBXH tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chúc thọ, mừng thọ theo quy định.
3. Hội NCT địa phương phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và gia đình người cao tuổi tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 và 100 tuổi trở lên vào một trong các ngày: ngày NCT Việt Nam, ngày quốc tế NCT, Tết nguyên đán, sinh nhật NCT.



**Điều 5. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí CSSK ban đầu cho NCT tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; khen thưởng NCT**

- o Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú, chúc thọ, mừng thọ, khen thưởng người cao tuổi được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.



## Điều 6. Điều khoản thi hành

1. TT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 và thay thế TT số 21/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để bổ sung, sửa đổi./.



Trân trọng cảm ơn!